

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA VANG
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2020/HNGĐ-ST
Ngày 29-12-2020
“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, TP. ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tấn Nghị

Bà Lê Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Vỹ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 147/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17/12/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị Ý N, sinh năm 1996; địa chỉ: Tổ 17B, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

Bị đơn: Ông Bùi Ngọc T, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn P, xã S, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trương Thị Ý N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi (Trương Thị Ý N) và ông Bùi Ngọc T kết hôn với nhau vào năm 2017, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại nhà cha mẹ tôi ở tổ 17B, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. Quá trình chung sống từ tháng 10/2019 đến nay thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, trầm trọng nhất là từ tháng 10/2020 đến nay, nguyên nhân do tính tình và quan điểm sống không hợp, vợ chồng hay cãi vã, chồng tôi ham chơi cờ bạc, làm ảnh hưởng kinh tế gia đình, không quan tâm chăm sóc vợ con và gia đình. Hai người đã tự

sống ly thân từ tháng 10/2019 đến nay, không ai còn quan tâm đến nhau. Nay tôi xác định không còn tình cảm, yêu thương ông T nữa nên xin Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Bùi Ngọc T.

Về quan hệ con chung: Bà Trương Thị Ý N và ông T có 01 con chung là Bùi Hoàng N, sinh ngày 13/9/2018. Ly hôn, bà N xin trực tiếp nuôi con cho đến khi đủ 18 tuổi; không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà N xác định giữa bà và ông T không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà N xác định giữa bà và ông T không có nợ chung.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 16/11/2020, biên bản hòa giải, bị đơn ông Bùi Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T thống nhất với lời trình bày của bà N về thời điểm và nơi đăng ký kết hôn như trên là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung tại nhà cha mẹ vợ ở tổ 17B, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tôi ít quan tâm chăm sóc vợ con, hai người thường xuyên cãi vã, tính tình vợ chồng không còn hợp nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Nay về tình cảm tôi xác định không còn yêu thương bà N nữa nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà N.

Về quan hệ con chung: Ông T xác nhận giữa ông và bà N có 01 con chung là Bùi Hoàng N, sinh ngày 13/9/2018. Ly hôn, ông T xin trực tiếp nuôi con cho đến khi đủ 18 tuổi; không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông T xác định giữa ông và bà N không có tài sản chung.

Về quan hệ nợ chung: Ông T xác định giữa ông và bà N không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 55; Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Ý N đối với ông Bùi Ngọc T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trương Thị Ý N và ông Bùi Ngọc T.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Bùi Hoàng N, sinh ngày 13/9/2018 cho bà Trương Thị Ý N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà N và ông T xác định không có nên không xem xét.

4. Án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, bà Trương Thị Ý N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, sau khi thảo luận và nghị án, HĐXX nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Bà Trương Thị Ý N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng thụ lý giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con chung đối với bị đơn ông Bùi Ngọc T; trú tại: Thôn P, xã S, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng và Tòa án đã thụ lý giải quyết đơn khởi kiện của bà N là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa bị đơn ông Bùi Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn ông Bùi Ngọc T.

Về hôn nhân:

[1] Bà Trương Thị Ý N và ông Bùi Ngọc T xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng vào năm 2017 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn thì thấy: Sau kết hôn, lúc đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng sau đó đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân, cả bà N và ông T đều thừa nhận do vợ chồng hay cãi vã, ông T sống không có trách nhiệm với vợ con, gia đình, sự việc diễn ra từ tháng 10/2019 và hai người đã tự sống ly thân từ đó đến nay, hiện hai người không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau. Nay hai người đều xác định không còn tình cảm thương yêu nhau nên đều thống nhất thuận tình ly hôn.

Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trương Thị Ý N và ông Bùi Ngọc T.

[2] Về con chung:

Bà N và ông T xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Bùi Hoàng N, sinh ngày 13/9/2018. Ly hôn cả bà N và ông T đều xin được trực tiếp nuôi con chung.

Xét nguyện vọng của bà N và ông T thì thấy: Cả bà N và ông T đều có quyền, nghĩa vụ đối với con, cũng như có quyền nuôi con; tuy N hiện nay cháu Bùi Hoàng N chưa đủ 36 tháng tuổi, giữa ông T và bà N không có thỏa thuận

được người trực tiếp nuôi con, bà N xin được nuôi con và hiện bà N đủ các điều kiện nuôi con.

Căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015, việc giao con Bùi Hoàng N cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ đúng quy định pháp luật nên yêu cầu của ông T không được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con, bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con chung được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Bà N và ông T đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà N và ông T xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, bà Trương Thị Ý N phải chịu theo quy định.

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng đề nghị phù hợp với các nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 55; Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Ý N đối với ông Bùi Ngọc T về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trương Thị Ý N và ông Bùi Ngọc T.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Bùi Hoàng N, sinh ngày 13/9/2018 cho bà Trương Thị Ý N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con chung được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Bà Trương Thị Ý N phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) bà N đã nộp tại biên lai thu số 0000419 ngày

20/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang. Bà N đã nộp đủ án phí.

6. Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 29/12/2020.

Riêng ông Bùi Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thế Anh